TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ- ST
Ngày 15 tháng 01 năm 2026
"*V/v Hôn nhân và gia đình".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hồng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Hùng và bà Trần Thị Mai Lê .

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Huyền Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trần Lại Khánh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2025/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Tú N**; sinh năm 1999
Căn cước công dân số: 036199016793
Nơi ĐKTT: Khu E, xã T, tỉnh Phú Thọ.
Nơi ở hiện nay: Xóm F, xã X, tỉnh Ninh Bình.

* Bị đơn: Anh **Đinh Tiến D**; sinh năm 1994
Căn cước công dân số: 025094012638
Nơi ĐKTT: Khu E, xã T, tỉnh Phú Thọ.
Hiện đã xuất cảnh ra nước ngoài.

Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Dũng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, chị N trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau:

- Chị và anh Đinh Tiến D tự nguyện kết hôn với nhau ngày 05/11/2019, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T (nay là xã T), tỉnh Phú Thọ. Sau khi

kết hôn, vợ chồng cùng chung sống tại khu E, xã Đ, huyện T (nay là xã T), tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống cho đến khoảng tháng 6/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung vì vậy từ tháng 1/2021 cho đến nay chị và anh D không còn sống chung. Hiện nay anh D đang lao động ở nước ngoài, chị và anh D nhiều năm không còn liên lạc với nhau nữa. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn vì vậy yêu cầu Tòa án cho chị được li hôn anh Đinh Tiến D.

- Về con chung: Chị và anh Đinh Tiến D có với nhau 01 con chung là Đinh Ngọc M; sinh ngày 14/01/2020. Từ nhỏ con chung ở với chị và do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng cho đến khoảng tháng 6 năm 2024, bố mẹ đẻ anh D đã đón cháu M về ở với ông bà tại khu E, xã T, không cho chị đón con. Do hiện nay anh D đang ở nước ngoài nên không thể trực tiếp chăm sóc con. Còn chị hiện đang ở cùng bố mẹ đẻ, có cửa hàng bán quần áo, thu nhập ổn định, có thời gian và đủ các điều kiện khác để chăm sóc con vì vậy sau khi li hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Đinh Tiến D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000.đ, việc cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng kể từ tháng 12/2025 cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động tự túc được.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác chị Nguyễn Thị Tú N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tú N tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn và tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

* Căn cứ vào nội dung Đơn khởi kiện và lời khai của chị Nguyễn Thị Tú N thể hiện anh Đinh Tiến D đang ở nước ngoài. Toà án đã có văn bản đề nghị Phòng Q - Công an tỉnh P cung cấp thông tin xuất, nhập cảnh của anh D. Tại văn bản số 563/QLXNC-Đ1 ngày 10/10/2025, Phòng Q - Công an tỉnh P cung cấp: Lần xuất cảnh gần nhất của anh Đinh Tiến D là ngày 12/11/2022, chưa có thông tin nhập cảnh.

* Quá trình giải quyết vụ án, do anh Đinh Tiến D vắng mặt nên Toà án đã tiến hành xác minh tại khu dân cư và UBND xã T là nơi đăng kí thường trú của anh Đinh Tiến D, lấy lời khai của ông Đinh Ngọc T (là bố đẻ anh D), kết quả xác minh và lời khai của ông T thể hiện: Vợ chồng anh Đinh Tiến D và chị Nguyễn Thị Tú N không còn sống chung, anh D và chị N có 01 con chung hiện đang ở với ông bà nội (là bố mẹ đẻ anh D) tại khu E, xã T, tỉnh Phú Thọ. Ông T là bố đẻ anh D xác nhận anh D đã đi lao động tại Nhật Bản từ khoảng 03 năm nay, gia đình không biết địa chỉ, nơi làm việc của anh D tại Nhật Bản nhưng anh D và gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh D gia đình đều nhận được và đã thông báo lại cho anh D được biết, gia đình cũng cam kết sẽ nhận thay các văn bản của Tòa án và thông báo lại đầy đủ nội dung cho anh D. Nay anh

chị N có đơn yêu cầu li hôn anh D và yêu cầu nuôi con chung, gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Phú Thọ đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu li hôn, yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của chị Nguyễn Thị Tú N. Về tài sản chung, vay nợ chung không giải quyết do đương sự không yêu cầu. Đề nghị chấp nhận việc chị N tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí li hôn và tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Phú Thọ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú N khởi kiện yêu cầu li hôn và giải quyết việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con sau li hôn vì vậy thuộc quan hệ tranh chấp Hôn nhân gia đình, còn bị đơn anh Đinh Tiến D có đăng kí thường trú tại xã T, tỉnh Phú Thọ do vậy Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Phú Thọ thụ lí giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Do bị đơn anh Đinh Tiến D không có mặt tại địa phương, hiện đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ, nơi làm việc nên ông Đinh Ngọc T (bố đẻ anh D) đã nhận thay anh D các thông báo, triệu tập của Tòa án. Ông T xác nhận đã thông báo lại đầy đủ nội dung các thông báo, triệu tập của Tòa án cho anh D biết. Như vậy việc cấp tống đạt các thông báo, triệu tập của Tòa án cho anh D là hợp lệ, đúng quy định của pháp luật nhưng quá trình giải quyết, xét xử vụ án anh D không có mặt, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện quan điểm về việc li hôn và nuôi con sau li hôn. Còn nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tú N và anh Đinh Tiến D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng kí kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm đã làm phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không sống chung từ năm 2021 cho đến nay. Ngoài ra, do anh D đi nước ngoài nhiều năm, vợ chồng không liên lạc cũng đã làm ảnh hưởng đến quan hệ tình cảm vợ chồng. Kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương nơi chị N và anh D đăng kí thường trú và lời khai của ông Đinh Ngọc T (bố đẻ anh D) đều thể hiện anh D và chị N đã không còn sống chung từ nhiều năm.

Như vậy, có căn cứ để xác định chị N và anh D đã không còn sống chung để thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng trong hôn nhân, và trên thực tế thì hôn nhân đã không còn tồn tại từ nhiều năm, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, nếu cứ tiếp tục ràng buộc sẽ làm cho hôn nhân không có ý nghĩa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu li hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về yêu cầu nuôi con chung sau li hôn: Chị Nguyễn Thị Tú N và anh Đinh Tiến D có 01 con chung là Đinh Ngọc M; sinh ngày 14/01/2020 (hiện đang ở với bố mẹ đẻ anh D). Xét yêu cầu nuôi con của chị N thấy rằng: Con chung hiện vẫn còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ và hiện anh D đang ở nước ngoài nên không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc con; quá trình giải quyết vụ án anh D không có mặt, cũng không có văn bản gửi Tòa án thể hiện quan điểm về việc nuôi con, do vậy để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tốt nhất, vì quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của con nên giao cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau khi li hôn là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau li hôn của chị Nguyễn Thị Tú N: Chị N yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con định kì hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000.đ, kể từ tháng 12/2025 cho đến khi con thành niên, lao động tự túc được. Theo quy định của pháp luật, thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, việc chăm sóc nuôi dưỡng con là quyền và cũng là nghĩa vụ chung của cha mẹ, cấp dưỡng nuôi con không chỉ là hỗ trợ về vật chất để nuôi con mà còn là trách nhiệm, là mối liên hệ tình cảm, sự gắn kết thường xuyên của người không trực tiếp nuôi con với con của mình. Do hiện nay anh D đang ở nước ngoài, không xác định được thu nhập của anh D nhưng xét mức cấp dưỡng mà chị N yêu cầu là không cao, phù hợp với thực tế, không trái pháp luật nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con định kì hàng tháng của chị N được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và vấn đề khác: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú N không yêu cầu và anh D cũng vắng mặt nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tú N phải nộp tiền án phí li hôn sơ thẩm và tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử: Cho chị Nguyễn Thị Tú N được li hôn anh Đinh Tiến D.

- Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau li hôn: Giao cho chị Nguyễn Thị Tú N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đinh Ngọc M; sinh ngày 14/01/2020 (hiện con chung đang ở với bố mẹ đẻ anh Đinh Tiến D tại khu E, xã T, tỉnh Phú Thọ).

Anh Đinh Tiến D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kì hàng tháng cho chị Nguyễn Thị Tú N mỗi tháng là 2.000.000.đ (hai triệu đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc được hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Sau khi li hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tú N phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí chị Nguyễn Thị Tú N phải nộp là 600.000.đ (sáu trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Nguyễn Thị Tú N đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo *"Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án"* số 0004143 ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Chị Nguyễn Thị Tú N được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Đinh Tiến D được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

*thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7**a*** *và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 3 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Phú Thọ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tạ Hồng Tuấn